

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỐNG NHẤT
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **53/2022/HNGĐ-ST**
Ngày: 26/8/2022
V/v “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Ngọc Thành

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Việt Dũng

Bà Đặng Thị Thom

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Thu Hằng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 302/TLST-HNGĐ ngày 31/03/2022 về việc: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/8/2022 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Bà **Đỗ Thị Huyền N**, sinh năm: 1990. (Vắng mặt)

HKTT: Tổ 4, ấp Lộ 25, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên lạc: Ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- ***Bị đơn:*** Ông **Đinh Văn B**, sinh năm: 1970. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 4, ấp Lộ 25, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 25/03/2022, các bản tự khai, biên bản lấy lời khai nguyên đơn bà Đỗ Thị Huyền N trình bày:**

- ***Về quan hệ hôn nhân:*** Trên cơ sở tự nguyện, bà N và ông B quen biết nhau gần 02 năm thì tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 16/12/1994. Đây là hôn nhân lần đầu của bà.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại ấp Lộ 25, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên hơn một năm nay mâu thuẫn vợ chồng phát sinh. Nguyên nhân do hai vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, không có tiếng nói chung và hay cãi nhau, ông B sống thiếu B đảng, gia trưởng không cho bà ra khỏi nhà, gây tâm lý bức xúc, vợ chồng

không tôn trọng nhau. Ngoài ra do bên gia đình nhà chồng tác động khiến ông B chia cách vợ con. Ngoài ra hai vợ chồng có mâu thuẫn với nhau về vấn đề tài sản, theo bà N ông B là người không biết quan tâm đến gia đình con cái, ngay cả khi con bị sốt ông B cũng không quan tâm. Từ trước đến nay việc chăm lo con cái đều do một tay bà tự lo liệu. Hơn nữa ông B là người hay ghen vô lý, không có lý lẽ, thường xuyên gây sự vô lý. Khoảng hơn 01 năm nay vợ chồng không còn nói chuyện, quan tâm lẫn nhau. Do mâu thuẫn vợ chồng quá gay gắt nên từ tháng 04/2022 bà đã chuyển ra ngoài rẫy ở ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai cùng các con sinh sống tại đó. Một thời gian dài vợ chồng không ai quan tâm đến ai, không thực hiện quyền và nghĩa vụ chung của vợ chồng, mâu thuẫn ngày càng gay gắt. Nay nhận thấy mâu thuẫn của vợ chồng ông bà đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hòa giải, hàn gắn lại được nữa nên bà N yêu cầu được ly hôn với ông B.

- *Về con chung*: Theo đơn khởi kiện của bà N, vợ chồng chung sống có 02 con chung là Đinh Thanh T1, sinh ngày 21/9/1995 và cháu Đinh Ngọc T2, sinh ngày 07/5/2006. Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đinh Ngọc T2 và không yêu cầu ông B cấp dưỡng. Riêng cháu T1 đã trưởng thành và đủ khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Theo biên bản lấy lời khai bị đơn ông Đinh Văn B trình bày:**

- *Về quan hệ hôn nhân*: Trên cơ sở tự nguyện ông và bà N tự nguyện yêu thương nhau khoảng gần 02 năm, vợ chồng đi đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 16/12/1994. Đây là hôn nhân lần đầu của ông.

Sau khi kết hôn ông và bà N sống chung tại ấp L, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai (nay là xã H). Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh hơn 01 năm nay từ khi ông mua miếng đất 9000m² ở ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Do không đủ tiền mua nên vợ chồng ông bà có vay N hàng 650 triệu đồng, lãi N hàng hàng tháng 5.500.000đ/tháng. Để có tiền đóng lãi hàng tháng, nuôi con ăn học ông phải đi làm suốt ngày đêm nên đôi khi ông thừa nhận không có thời gian giành cho gia đình cũng bởi vì thương vợ thương con mong muốn cho vợ con được cuộc sống tốt hơn. Từ đó bà N cũng bỏ bê công việc nhà, không còn quan tâm như trước, cuộc sống vợ chồng ngày càng xa cách. Hầu hết thời gian bà N dùng để nói chuyện điện thoại. Khoảng đầu tháng 4 năm 2022 không hiểu lý do vì sao bà N cùng các con chuyển ra ngoài sống. Ông nghi ngờ bà N có biểu hiện không chung thủy bà dành nhiều thời gian để nói chuyện điện thoại. Từ đó cuộc sống hôn nhân bắt đầu không hạnh phúc. Bà N không còn quan tâm chồng, vợ chồng không qua lại với nhau, mạnh ai nấy sống, vợ chồng không quan tâm đến cuộc sống của nhau, độc lập về mọi mặt. Khi vợ chồng ly thân bà N là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, con ông bà thậm chí hiện nay nghe lời mẹ cũng không nhìn mặt hay trò chuyện cùng ba.

Ngoài ra trong mối quan hệ với gia đình nhà nội bà N không phụng dưỡng mẹ chồng và cũng không muốn ông qua lại với mẹ và anh em trong gia đình, bà N buộc ông cắt đứt với gia đình nhà nội mấy năm nay. Ngoài ra vợ chồng có mâu thuẫn về vấn đề tài sản chưa khắc phục được.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn bà N nộp đơn ly hôn ông đồng ý theo yêu cầu của bà N với điều kiện bà N phải hợp tác để thỏa thuận phân chia tài sản trước. Ông mong muốn được giải quyết về vấn đề tài sản chung cùng với vấn đề về ly hôn, tuy nhiên ông không làm đơn yêu cầu giải quyết về tài sản do ông không có điều kiện nộp tiền án phí.

- *Về con chung*: Vợ chồng chung sống có 02 con chung là Đinh Thanh T1, sinh ngày 21/9/1995 và cháu Đinh Ngọc T2, sinh ngày 07/5/2006. Khi ly hôn, ông đồng ý giao cháu T2 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con do bà N tự dất con đi không hỏi ý kiến của ông, vì chiều ý bà N nên ông đồng ý giao con cho bà mặc dù ông vẫn muốn ở cùng con. Riêng cháu Tùng đã trưởng thành và đủ khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Vợ chồng ông bà có khối tài sản chung là 03 thửa đất tại xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai:

+ Thửa số 1: Diện tích 5000m² do cha mẹ ông cho trước khi kết hôn

+ Thửa số 2: Diện tích 3000m² do mẹ bà N cho 3 cây vàng và ông vay chi ông thêm 02 cây để mua.

+ Thửa số 3: Diện tích 9000m² do tiền của hai vợ chồng làm ra và vay mượn thêm để mua.

Theo như bà N khi đưa đơn bà yêu cầu thỏa thuận tài sản chung nhưng đã một thời gian dài mà bà N không chịu hợp tác để thỏa thuận phân chia tài sản. Vì vậy ông mong muốn khi nào bà N đồng ý thỏa thuận chia tài sản chung xong ông mới đồng ý ký đơn ly hôn.

Khi ly hôn ông mong muốn được nhận thửa đất diện tích 5000m² do cha mẹ ông cho trước khi kết hôn để làm nhà thờ ông bà tổ tiên, còn hai thửa đất còn lại ông đồng ý giao cho bà N và các con.

- *Về nợ chung*: Vợ chồng có khoản nợ chung là 900.000.000đ (chín trăm triệu đồng) là tiền mua đất và làm ăn. Khi ly hôn vợ chồng tự thỏa thuận nếu không thỏa thuận được sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết sau.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm:**

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng*: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, cả nguyên đơn, bị đơn đều không đến tham dự phiên tòa, nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị Huyền N được ly hôn với ông Đinh Văn B.

+ Về con chung: Giao cháu Đinh Ngọc T2, sinh ngày 07/5/2006 cho bà N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời ông B không phải cấp dưỡng nuôi con do bà N không yêu cầu. Riêng Đinh Thanh T1 đã trưởng thành và đủ khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Buộc Bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, ông Đinh Văn B hiện đang cư trú tại tổ 4, ấp L, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện T. Nguyên đơn yêu cầu ly hôn và tranh chấp về người trực tiếp nuôi con chung, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt các đương sự: Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 229 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị Huyền N và ông Đinh Văn B tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được UBND xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 80 ngày 16/12/1994. Cứ vào các Điều 5,6,7,8,9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 quan hệ hôn nhân của bà N và ông B là hợp pháp.

Xét tình trạng hôn nhân giữa bà N và ông B nhận thấy: Sau khi kết hôn, hai vợ chồng sống hạnh phúc. Mậu thuận phát sinh khoảng hơn 01 năm nay, nguyên nhân do hai vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, không có tiếng nói chung và hay cãi nhau, ông B sống thiếu B đẳng, gia trưởng không cho bà ra khỏi nhà, gây tâm lý bức xúc, vợ chồng không tôn trọng nhau. Ngoài ra do bên gia đình nhà chồng tác động khiến ông B chia cách vợ con. Ngoài ra hai vợ chồng có mâu thuẫn với nhau về vấn đề tài sản, theo bà N ông B là người không biết quan tâm đến gia đình con cái, ngay cả khi con bị sốt ông B cũng không quan tâm. Từ trước đến nay việc chăm lo con cái đều do một tay bà

tự lo liệu. Hơn nữa ông B là người hay ghen vô lý, không có lý lẽ, thường xuyên gây sự vô lý. Ông B cũng thừa nhận do bận công việc nên không có điều kiện dành thời gian cho gia đình, điều này khiến cho vợ chồng con cái ngày càng xa cách. Do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên khoảng tháng 4 năm 2022 vợ chồng đã sống ly thân không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, mạnh ai nấy sống. Cả ông B và bà N đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ không có, vợ chồng đã không còn sống chung với nhau, không còn quan tâm và chia sẻ với nhau công việc trong gia đình, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, kéo dài nhưng không có hướng khắc phục, tình cảm vợ chồng không có điều kiện để hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được

Vì ông B mong muốn vợ chồng phải giải quyết xong về vấn đề tài sản chung, nợ chung sau đó mới đồng ý ký đơn ly hôn, tuy nhiên bà N không có yêu cầu giải quyết về tài sản, ông B cũng khẳng định không làm đơn yêu cầu giải quyết vấn đề tài sản do không có điều kiện để nộp tiền tạm ứng án phí. Do đó ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Xét mâu thuẫn giữa bà N và ông B đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N là phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Bà Đỗ Thị Huyền N và ông Đinh Văn B chung sống có 02 (hai) con chung là Đinh Thanh T1, sinh ngày 21/9/1995 và cháu Đinh Ngọc T2, sinh ngày 07/5/2006. Khi ly hôn bà N và ông B đều thống nhất giao cháu Đinh Ngọc T2 cho bà N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời ông B không phải cấp dưỡng nuôi con do bà N không yêu cầu.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Đỗ Thị Huyền N và ông Đinh Văn B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4] Về án phí: Bà Đỗ Thị Huyền N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 5,6,7,8,9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị Huyền N.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Đỗ Thị Huyền N và ông Đinh Văn B được ly hôn.

2. *Về con chung:*

2.1 Giao cháu Đinh Ngọc T2, sinh ngày 07/5/2006 cho bà N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

2.2 Tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông B do bà N không yêu cầu. Ông B được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Riêng Đinh Thanh T1 đã trưởng thành và đủ khả năng lao động nên không xem xét giải quyết.

3. *Về tài sản chung, nợ chung:* Tòa án không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí:* Bà Đỗ Thị Huyền N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp theo biên lai thu số 0003617 ngày 30/03/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Bà N đã nộp đủ án phí.

5. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND H.TN;
- Chi cục THADS H.TN;
- UBND xã B (số ĐKKH 80, quyển số 01 ngày 16/12/1994);
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Ngọc Thành

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Trọng Hiếu Nguyễn Thị Kim Loan

Phan Ngọc Thành